TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST Ngày: 21-9-2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số F, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Đinh Vũ Q, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: A, đường H, tổ A, 6 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2023; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L *trình bày:*

Về hôn nhân: Bà L và ông Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 238/2015, quyển số 02/2015, ngày 07/7/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do vậy bà L và ông Q đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà có gặp nhau để hạn gắn tình cảm nhưng không thành

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà L và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/9/2016. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đinh Vũ Q*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của ông Q.

Tại phiên tòa:

Bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Q vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Đinh Vũ Q nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn ông Q có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà L và ông Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 238/2015, quyển số 02/2015, ngày 07/7/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do vậy bà L và ông Q đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà có gặp nhau để hạn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà L và ông Q kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2015 tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà L và con về Long An sinh sống từ đó cho đến nay.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân ông Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Q là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Q.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà L xác nhận bà và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/9/2016. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Theo bà L trình bày do khi đi làm giấy khai sinh cho cháu không mang theo giấy chứng nhận kết hôn nên để cháu mang họ mẹ, không đề tên cha. Xét thấy cháu T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và

ông Q, nên xác định cháu T là con chung của bà L và ông Q. Do cháu đang ở với mẹ, được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ L ly hôn ông Đinh Vũ Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001878, ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND TT Long Hải;
(GCNKH số 238 ngày 07/7/2015)
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình